

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 79/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 946/QĐ-TTTT ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 953/QĐ-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, VP.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng





QUY CHẾ

Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

(kèm theo Quyết định số **2987**/QĐ-BKHCN ngày **01** tháng **10** năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN).

Việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ KH&CN.

Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền là phương thức do cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện kiểm tra đối với văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra.

2. Tự kiểm tra văn bản QPPL là phương thức do cơ quan, người đã ban hành văn bản thực hiện kiểm tra đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành.

3. Hệ thống hóa văn bản QPPL là việc tập hợp, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát theo các tiêu chí quy định.

4. Việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

5. Ngoài việc tuân thủ nguyên tắc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL được thực hiện theo Điều 3, Điều 34 của Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, các đơn vị thuộc Bộ phải:

- Chủ động, kịp thời, đúng trình tự, thủ tục và yêu cầu quản lý nhà nước;
- Đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phân định rõ trách nhiệm;

c) Bảo đảm chất lượng, hiệu quả công việc.

Điều 3. Trách nhiệm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật giữa các đơn vị thuộc Bộ

1. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ; báo cáo ngay Lãnh đạo Bộ khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản thuộc trách nhiệm tự kiểm tra của Bộ có dấu hiệu trái pháp luật;

b) Theo lĩnh vực được phân công quản lý, thực hiện tự kiểm tra các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và báo cáo bằng văn bản đến Bộ trưởng, Thủ trưởng phụ trách, đồng thời gửi về Vụ Pháp chế;

c) Thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và gửi kết quả về Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Trường hợp văn bản tự kiểm tra, văn bản QPPL được kiểm tra có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị thì đơn vị được giao chủ trì soạn thảo làm đầu mối thực hiện, tổng hợp kết quả của các đơn vị có liên quan và báo cáo theo quy định (trừ trường hợp Bộ trưởng có chỉ đạo khác).

3. Trường hợp có sự chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Bộ thì đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được chuyển giao theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Ngoài trách nhiệm tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 3 Quy chế này; Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

1. Đầu mối giúp Bộ trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

2. Giúp Bộ trưởng kiểm tra văn bản quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, bao gồm: kiểm tra văn bản QPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, chính quyền địa phương cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

3. Tham mưu giúp Bộ trưởng về xử lý văn bản trái pháp luật.

4. Tham mưu và làm đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác quản lý nhà nước về rà soát, hệ thống hoá văn bản, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ KH&CN thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 10 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

5. Tổng hợp, xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN theo quy định.

6. Tham mưu Lãnh đạo Bộ về thiết lập, quản lý "Sổ điện tử theo dõi tự kiểm tra văn bản của Bộ". Sổ do Vụ Pháp chế và các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp cập nhật thông tin, gồm các nội dung cơ bản sau: Tên văn bản được kiểm tra; đơn vị

thực hiện kiểm tra; người kiểm tra; tình trạng pháp lý của văn bản (nội dung thông tin này ghi vào có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không có dấu hiệu trái pháp luật khi kết thúc việc kiểm tra văn bản đó); kết quả xử lý văn bản (gồm: nội dung trái pháp luật và căn cứ pháp lý xác định nội dung trái pháp luật) (nếu có); ý kiến của người kiểm tra về nội dung trái pháp luật và đề xuất hướng xử lý.

Chủ động lập thêm "Sổ điện tử tổng hợp theo dõi tự kiểm tra văn bản của Bộ KH&CN"; "Sổ theo dõi kiểm tra văn bản theo thẩm quyền Bộ trưởng Bộ KH&CN"; "Sổ điện tử theo dõi kiến nghị rà soát" để phục vụ theo dõi và tổng hợp thông tin báo cáo theo quy định.

7. Tham mưu, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch kiểm tra văn bản, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL theo quy định tại các Điều 16, Điều 46, Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Chương II

KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1. TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Văn bản thuộc trách nhiệm tự kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN.
2. Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng KH&CN với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.
3. Văn bản do Bộ KH&CN và các tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ ban hành có dấu hiệu chứa QPPL còn hiệu lực nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
4. Văn bản hành chính của Bộ KH&CN hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL còn hiệu lực do Bộ KH&CN ban hành hoặc được uỷ quyền ban hành (quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Ban hành văn bản QPPL).

Điều 6. Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản

1. Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này được quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Ban hành văn bản QPPL.
2. Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Quy chế này được quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 63 Luật Ban hành văn bản QPPL, cụ thể: phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra; kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật; theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 7. Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản thuộc thẩm quyền Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện tự kiểm tra văn bản
 - a) Các đơn vị được Lãnh đạo Bộ phân công tự kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra văn bản theo các nội dung được quy định tại Điều 5 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết, tham mưu Lãnh đạo Bộ tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày được sự phân công của Lãnh đạo Bộ, các đơn vị vào "Sổ điện tử về theo dõi tự kiểm tra văn bản của Bộ": Tên văn bản được kiểm tra; đơn vị thực hiện kiểm tra; người kiểm tra; tình trạng pháp lý của văn bản ; kết quả xử lý văn bản (nếu có); ý kiến của người kiểm tra về nội dung trái pháp luật và đề xuất hướng xử lý;

c) Đối với văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành hoặc liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ KH&CN, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tự kiểm tra ngay sau khi văn bản được ban hành hoặc nhận được phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung trái pháp luật của văn bản QPPL theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL. Trường hợp phát hiện văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lập hồ sơ tự kiểm tra văn bản QPPL theo quy định và có báo cáo đánh giá nội dung có dấu hiệu trái pháp luật, đề xuất biện pháp xử lý, thời hạn xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) gửi đến Vụ Pháp chế để lấy ý kiến;

d) Cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra văn bản có trách nhiệm lập hồ sơ tự kiểm tra văn bản đối với văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Thời hạn tiến hành tự kiểm tra:

Tự kiểm tra Thông tư, Thông tư liên tịch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng ký ban hành phải được thực hiện trong thời gian 45 ngày; trong thời gian 05 ngày làm việc đối với văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ký ban hành.

3. Kết quả tự kiểm tra văn bản

a) Kết quả tự kiểm tra văn bản được báo cáo bằng văn bản đến Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách, đồng thời gửi về Vụ Pháp chế trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc tự kiểm tra để tổng hợp vào sổ theo dõi chung phục vụ công tác báo cáo theo quy định. Nội dung Báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp việc tự kiểm tra văn bản được thực hiện theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền thì kết quả tự kiểm tra văn bản phải được báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản;

c) Trường hợp văn bản trái pháp luật, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản điểm a, điểm b khoản này thì kết quả tự kiểm tra văn bản còn phải được báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Cơ quan, người ban hành văn bản xem xét báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản; nếu văn bản trái pháp luật, tổ chức xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm tra và có thể gửi cơ quan có thẩm quyền đề xuất gia hạn bằng văn bản, nhưng tổng thời gian xử lý không được quá 60 ngày. Xem xét, xác định và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc tham mưu, trình, ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tự kiểm tra văn bản

1. Đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm tham mưu Bộ trưởng để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện tự kiểm tra văn bản theo điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

2. Vụ Pháp chế là đầu mối giúp Bộ trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2. KIỂM TRA VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN

Điều 9. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền

Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ KH&CN là văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, chính quyền địa phương cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 10. Căn cứ thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền

Thực hiện kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền theo các căn cứ sau:

1. Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL.
2. Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra.
3. Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 63 Luật Ban hành văn bản QPPL gồm: Kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật; Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế trong việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng kiểm tra văn bản quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Tiếp nhận các yêu cầu, kiến nghị, phản ánh và thu thập văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị, phản ánh; tham mưu Bộ trưởng kiến nghị các nội dung liên quan đến kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật theo quy định tại Nghị định số 79/2025/NĐ-CP hoặc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng; theo dõi, đôn đốc việc xử lý văn bản trái pháp luật sau khi có kết luận kiểm tra theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc phối hợp kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Chuyển thông tin, kiến nghị về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật của tổ chức, cá nhân, phương tiện thông tin đại chúng khi nhận được cho Vụ Pháp chế.

2. Cử đại diện tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp kiểm tra văn bản theo đề nghị của Vụ Pháp chế hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ.

3. Có ý kiến trả lời bằng văn bản về văn bản được kiểm tra đối với trường hợp Vụ Pháp chế lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ.

4. Cử đại diện tham gia đoàn công tác kiểm tra theo thẩm quyền tại Bộ, ngành và địa phương khi có đề nghị của Vụ Pháp chế hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Bộ.

Điều 13. Trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Vụ Pháp chế mở “Sổ theo dõi kiểm tra văn bản theo thẩm quyền Bộ trưởng Bộ KH&CN” và tổ chức thực hiện kiểm tra văn bản tại Điều 9 Quy chế này theo các nội dung được quy định tại Điều 5 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết, tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra.

2. Kết quả kiểm tra văn bản được báo cáo bằng văn bản bao gồm các nội dung cơ bản như sau: Tên văn bản được kiểm tra; nội dung trái pháp luật và căn cứ pháp lý xác định nội dung trái pháp luật; ý kiến của người kiểm tra về nội dung trái pháp luật và đề xuất hướng xử lý.

3. Kết luận kiểm tra văn bản được ban hành trong trường hợp xác định văn bản được kiểm tra trái pháp luật.

Trường hợp văn bản chỉ có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp thì Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng và tham mưu, đề xuất, kiến nghị rà soát văn bản đó theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Vụ Pháp chế lập hồ sơ kiểm tra văn bản đối với văn bản trái pháp luật theo các nội dung quy định tại Điều 19 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Mục 3. XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÁI PHÁP LUẬT

Điều 14. Hình thức xử lý văn bản trái pháp luật, văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày

1. Xử lý hình thức đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần đối với văn bản tại Điều 5 và Điều 9 Quy chế này có nội dung trái pháp luật theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày được đình chỉ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Trình tự, thủ tục xử lý văn bản trái pháp luật

1. Đối với văn bản có nội dung đơn giản, có đầy đủ cơ sở để khẳng định rõ ràng, chính xác văn bản trái pháp luật, đơn vị có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản, Vụ Pháp chế (đối với nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo thẩm quyền) trình Lãnh đạo Bộ ký kết luận kiểm tra, gửi cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản để thực hiện việc xem xét, xử lý theo quy định. Kết luận kiểm tra văn bản phải đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Đối với văn bản có nội dung phức tạp, chưa khẳng định chính xác tính hợp pháp của văn bản, đơn vị được giao chủ trì kiểm tra văn bản tổ chức cuộc họp hoặc đề xuất Lãnh đạo Bộ chủ trì cuộc họp với đại diện Vụ Pháp chế, đại diện cơ quan liên quan, chuyên gia để trao đổi, thảo luận về tính hợp pháp của văn bản.

3. Đối với cuộc họp do Lãnh đạo Bộ chủ trì theo quy định tại khoản 2 Điều này, sau khi kết thúc cuộc họp, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Lãnh đạo đơn vị chủ trì báo cáo Lãnh đạo Bộ về quá trình kiểm tra văn bản hoặc kết quả. Hồ sơ báo cáo gồm: báo cáo kết quả cuộc họp, các tài liệu khác có liên quan; dự thảo Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật (nếu có).

4. Sau khi Lãnh đạo Bộ thông qua và ký Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật thì Kết luận này được gửi đến cơ quan, người ban hành văn bản trái pháp luật và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi gửi Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật, Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, trao đổi với tổ chức pháp chế các Bộ, ngành ở Trung ương hoặc Sở Tư pháp ở các địa phương và các tổ chức, đơn vị chức năng thuộc cơ quan đã ban hành văn bản để nắm tình hình, tiến độ, hướng xử lý đối với văn bản trái luật. Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật và tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản vẫn không xử lý hoặc Vụ Pháp chế không nhất trí với kết quả xử lý, Vụ Pháp chế có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ báo cáo Bộ trưởng xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

7. Đối với các văn bản trái pháp luật thuộc trách nhiệm xử lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu Lãnh đạo Bộ về việc xử lý theo kết luận kiểm tra (nếu có). Sau khi hoàn thành, văn bản xử lý văn bản trái pháp luật phải được công bố theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

8. Thời hạn xử lý văn bản trái pháp luật thực hiện theo Điều 26 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Chương III

RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1. RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 16. Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm rà soát của Bộ Khoa học và Công nghệ

Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện rà soát văn bản QPPL thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ KH&CN quy định khoản 2 Điều 64 Luật Ban hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị mình, bao gồm các văn bản sau: Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ trưởng ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo (trừ Luật, Hiến pháp); văn bản khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Điều 17. Trình tự rà soát văn bản quy phạm pháp luật thẩm quyền, trách nhiệm rà soát của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tiếp nhận, xử lý yêu cầu rà soát

Khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ về rà soát văn bản, phối hợp rà soát văn bản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị thuộc Bộ, Vụ Pháp chế phải mở "Sổ điện tử theo dõi kiến nghị rà soát" và điền vào các trường thông tin cụ thể.

2. Căn cứ rà soát văn bản QPPL thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Căn cứ quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, cập nhật văn bản là căn cứ để rà soát văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Vụ Pháp chế theo dõi, cập nhật các thông tin về tình hình soạn thảo và ban hành các văn bản do Bộ KH&CN ban hành hoặc chủ trì soạn thảo từ các đơn vị thuộc Bộ; các văn bản có liên quan khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (trừ Luật, Hiến pháp), qua đó đôn đốc việc rà soát văn bản của các đơn vị thuộc Bộ.

Các đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình soạn thảo và ban hành văn bản cho Vụ Pháp chế để theo dõi, tổng hợp.

4. Các đơn vị được giao thực hiện rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của mình tiến hành rà soát trên cơ sở các nội dung rà soát theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

5. Lấy ý kiến và xử lý kết quả rà soát văn bản QPPL

a) Các đơn vị thuộc Bộ được giao thực hiện rà soát lấy ý kiến của các đơn vị liên quan (nếu có) về kết quả rà soát. Đối với Thông tư liên tịch, cơ quan chủ trì tham mưu Bộ trưởng ký liên tịch ban hành chủ trì việc lấy ý kiến của cơ quan liên tịch về kết quả rà soát văn bản.

Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì rà soát tham mưu Lãnh đạo Bộ tổ chức họp trao đổi, thảo luận để lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về kết quả rà soát văn bản. Trường hợp vẫn còn ý kiến khác nhau thì đơn vị phải giải trình rõ trong Báo cáo kết quả rà soát văn bản, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát;

b) Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác.

6. Các cơ quan được giao chủ trì rà soát phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu Bộ trưởng quyết định xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát theo quy định tại Điều 38, Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12, khoản 14 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

7. Đối với kết quả rà soát văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN do các bộ, ngành, địa phương thực hiện và được gửi đến Bộ đề nghị xử lý, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản được kiến nghị chuẩn bị ý kiến đối với các kiến nghị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 18. Xử lý văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

1. Trường hợp văn bản được rà soát cần phải xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đơn vị rà soát văn bản báo cáo Lãnh đạo Bộ, đồng thời gửi Báo cáo kết quả rà soát cho Vụ Pháp chế để theo dõi. Các hình thức xử lý cụ thể sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản:

- Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng;

- Bãi bỏ một phần văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung: Một phần đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; một phần nội dung của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; một phần văn bản không còn được áp dụng;

b) Thay thế văn bản được áp dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL;

c) Sửa đổi, bổ sung văn bản được áp dụng trong trường hợp một phần của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và không thuộc trường hợp phải ban hành văn bản thay thế, bãi bỏ một phần;

d) Ban hành văn bản mới được áp dụng trong trường hợp qua rà soát phát hiện có quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bởi văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn hoặc có quan hệ xã hội cần điều chỉnh nhưng chưa có quy định pháp luật điều chỉnh;

đ) Tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 của Luật;

e) Công bố văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản hết hiệu lực quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Ban hành văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15;

g) Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật tại thời điểm ban hành thuộc đối tượng kiểm tra thì cơ quan rà soát thực hiện việc kiểm tra kiến nghị, phản ánh theo quy định.

2. Việc ban hành văn bản để xử lý văn bản được rà soát quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của Luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với Vụ Pháp chế để đưa văn bản cần phải xử lý vào Chương trình xây dựng văn bản của Bộ hoặc kiến nghị đưa vào Chương trình xây dựng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Rà soát, công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hằng năm thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ rà soát các văn bản QPPL hết hiệu lực hằng năm, lập dự thảo Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định để trình Lãnh đạo Bộ công bố định kỳ chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo.

2. Trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tập hợp đầy đủ các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm liền trước đó và văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc

một phần trong kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố thuộc trách nhiệm rà soát của đơn vị mình và bảo đảm tính chính xác về hiệu lực của các văn bản này; phối hợp với Vụ Pháp chế để hoàn thiện danh mục trước khi trình Lãnh đạo Bộ công bố theo quy định.

3. Sau khi Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần được Lãnh đạo Bộ quyết định công bố, Vụ Pháp chế phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan thực hiện đăng Danh mục trên Công báo điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

Điều 20. Tổ chức thực hiện việc tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn

1. Vụ Pháp chế làm đầu mối tham mưu tổ chức việc tổng rà soát hệ thống văn bản tại Bộ KH&CN thực hiện theo kế hoạch tổng rà soát của Chính phủ tại Điều 45 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Tổ chức thực hiện rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ theo lĩnh vực được phân công phụ trách là đơn vị đầu mối tham mưu giúp Bộ trưởng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình;

b) Nội dung kế hoạch, công bố kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn thực hiện theo Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Mục 2. HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản theo định kỳ

1. Định kỳ 05 (năm) năm một lần, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng dự thảo Quyết định ban hành kèm theo Kế hoạch hệ thống hóa văn bản tại Bộ KH&CN để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ký ban hành. Thời điểm ấn định văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa để công bố (sau đây gọi là thời điểm hệ thống hóa) là ngày 31 tháng 12 của năm thứ năm tính từ thời điểm hệ thống hóa kỳ trước.

Kế hoạch hệ thống hóa văn bản được xây dựng bao gồm các nội dung chính: mục đích, yêu cầu hệ thống hóa; đối tượng, phạm vi hệ thống hóa; thời gian, tiến độ thực hiện; phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; kinh phí và các điều kiện bảo đảm thực hiện kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản tại Bộ KH&CN và dự thảo Kế hoạch theo đề nghị của Vụ Pháp chế.

Điều 22. Tổ chức triển khai Kế hoạch hệ thống hóa văn bản theo định kỳ tại Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Căn cứ vào Kế hoạch hệ thống hóa văn bản theo định kỳ đã được Lãnh đạo Bộ ký ban hành, Vụ Pháp chế làm đầu mối tổ chức triển khai Kế hoạch tại Bộ KH&CN.

2. Các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hệ thống hóa, thực hiện hệ thống hóa các văn bản

thuộc trách nhiệm của đơn vị mình theo nội dung, trình tự, tiêu chí sắp xếp hệ thống hóa quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52 của Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và thực hiện các công việc khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị khi được đề nghị.

3. Sau khi kết quả hệ thống hóa văn bản được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, Vụ Pháp chế phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan thực hiện việc đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định; đồng thời gửi báo cáo kết quả hệ thống hóa này về Bộ Tư pháp trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Danh mục văn bản pháp luật còn hiệu lực; danh mục văn bản QPPL cần tạm ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; Tập hệ thống hóa văn bản QPPL gửi trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đăng Công báo Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Bố trí kinh phí cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện theo quy định của pháp luật về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản và các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế và các đơn vị thuộc Bộ bố trí kinh phí bảo đảm cho kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị thuộc Bộ phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm đảm bảo nhân lực, cơ sở vật chất, cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng./.